

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ (nhóm A) mới ban hành trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5859/TTr-SXD ngày 03/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỖI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC
HẠ TẦNG KỸ THUẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND TỈNH/UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

TT	Tên TTHC nội bộ	Tên văn bản quy định TTHC nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
TTHC nội bộ do chính quyền địa phương thực hiện				
1	Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý	- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước; - Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Hạ tầng kỹ thuật	UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp xã (theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP)
2	Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý			
3	Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý			
4	Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý			

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG TTHC NỘI BỘ

1. Thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

1.1. Trình tự thực hiện:

- Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý) chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập hồ sơ đề nghị giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD

hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh (trong đó xác định rõ đối tượng được giao quản lý tài sản): 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Hồ sơ pháp lý của tài sản đề nghị giao quản lý (Quyết định giao, điều chuyển tài sản; Quyết định xác lập sở hữu toàn dân; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ sơ khác có liên quan đến tài sản đề nghị giao quản lý (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định giao quản lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

1.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án phát triển công viên, cây xanh (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư phát triển mới) hoặc đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh hiện có hoặc tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh được bàn giao cho Nhà nước quản lý).

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

1.8. Phí, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (theo Phụ lục tại Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Phụ lục
DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH ĐỀ NGHỊ GIAO QUẢN LÝ
(Vị trí/Địa điểm của tài sản: Công viên/Đường/ Đoạn đường/Quảng trường/...)

I. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÂY XANH

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư, đưa vào sử dụng	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm bàn giao	Tình trạng tài sản		Ghi chú
							Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát (m)	Tình trạng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cây xanh đứng đang sống								
2	Thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh (chống cây, camera bảo vệ,...)								
...	...								

Ghi chú:

- Cột (5): Năm cây xanh đứng đang sống được trồng hoặc năm thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh được lắp đặt (nếu có).
- Cột (7): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm bàn giao (nếu có).
- Cột (9): Ghi cho thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh: Đang sử dụng hoặc Không sử dụng.

II. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHÁC CỦA CÔNG VIÊN

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm bàn giao	Tình trạng tài sản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Công trình xây dựng										
2	Thiết bị										
...	...										

Ghi chú:

- Cột (7): Diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng (áp dụng đối với tài sản là nhà, đất).
- Cột (8): Áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Cột (10): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm bàn giao (nếu có).
- Cột (11): Ghi: Đang sử dụng hoặc Hỏng không sử dụng.

2. Thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý

2.1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp;

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;

- Đề xuất hình thức xử lý tài sản; giá khởi điểm để đấu giá bán tài sản (nếu có); phương án quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (nếu có) và dự kiến kinh phí thực hiện xử lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản pháp lý liên quan:

+ Văn bản đề nghị xử lý tài sản của đơn vị khai thác tài sản trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản: 01 bản chính;

+ Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của đơn vị nhận tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

+ Biên bản xác định tài sản bị mất, hủy hoại và các hồ sơ chứng minh tài sản bị mất, hủy hoại trong trường hợp tài sản bị mất, hủy hoại: 01 bản sao;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

- Dự thảo Quyết định xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

2.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị

định số 258/2025/NĐ-CP.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị xử lý (theo Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

I. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÂY XANH

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư, đưa vào sử dụng	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm đề nghị xử lý	Tình trạng tài sản		Hình thức xử lý	Ghi chú
							Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát (m)	Tình trạng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Cây xanh									
2	Thiết bị phụ trợ									
...	...									

Ghi chú:

- Cột (5): Năm cây xanh đứng đang sống được trồng hoặc năm thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh được lắp đặt (nếu có).
- Cột (7): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm đề nghị (nếu có).
- Cột (9): Ghi cho thiết bị phụ trợ gắn với cây xanh: Đang sử dụng hoặc Hỏng không sử dụng.
- Cột (10): Ghi cụ thể hình thức xử lý theo quy định tại Điều 87 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với vật liệu, vật tư thu hồi từ chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đề nghị xử lý theo hình thức bán thì ghi rõ hình thức bán đấu giá, bán niêm yết giá, bán chỉ định trong trường hợp đã xác định được phương thức bán cụ thể.
- Cột (11): Ghi cụ thể trường hợp áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90, khoản 1, 2 Điều 92, Điều 93 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

II. DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHÁC CỦA CÔNG VIÊN

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm đầu tư	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất ⁽¹⁾ (m ²)	Diện tích sàn sử dụng ⁽²⁾ (m ²)	Nguyên giá (nếu có)	Giá trị tại thời điểm đề nghị xử lý ⁽³⁾	Tình trạng tài sản ⁽⁴⁾	Hình thức xử lý	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Công trình xây dựng											
2	Thiết bị											
...	...											

Ghi chú:

- Cột (7): Diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng (áp dụng đối với tài sản là nhà, đất).
- Cột (8): Áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Cột (10): Giá trị còn lại được ghi sổ kế toán hoặc giá trị theo kết quả thẩm định giá tại thời điểm đề nghị (nếu có).
- Cột (11): Ghi: Đang sử dụng hoặc Hỏng không sử dụng.
- Cột (12): Ghi cụ thể hình thức xử lý theo quy định tại Điều 87 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
- Cột (13): Ghi cụ thể trường hợp áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 88, khoản 1 Điều 89, khoản 1 Điều 90, khoản 1, 2 Điều 92, Điều 93 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

3.1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

3.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3.8. Phí, lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

4. Thủ tục phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý

4.1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 67/2025/TT-BXD: 01 bản sao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

4.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao quản lý tài sản.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền được quy định tại Điều 35 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên do Nhà nước đầu tư, quản lý.

4.8. Phí, lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 67/2025/TT-

BXD).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

- Thông tư số 67/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về trình tự, thủ tục trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên, cây xanh do Nhà nước đầu tư, quản lý.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
TÊN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...-ĐA

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CÔNG VIÊN

*(Phương thức khai thác: Cho thuê hoặc chuyển nhượng có thời hạn
quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên)*

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...;
- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao quản lý tài sản.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị được giao quản lý tài sản.
- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 02 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi,...) của đơn vị được giao quản lý tài sản (nếu có).
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng công viên

1.1. Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng công viên được đề xuất trong phương án khai thác.

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên

2.1. Phương án khai thác tài sản

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: tên tài sản; vị trí, địa điểm; số lượng, khối lượng; năm đầu tư, năm đưa vào khai thác; nguyên giá, giá trị còn lại hoặc

giá trị tại thời điểm lập phương án theo định giá; tình trạng tài sản (đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn đối với cây bóng mát); phương thức khai thác tài sản (cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác).

b) Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản hiện có được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (đối với phương án khai thác tài sản theo phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản).

c) Thời hạn khai thác tài sản.

d) Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Phương án tổ chức thực hiện đấu giá.

e) Phương thức thanh toán.

g) Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn khai thác tài sản hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

a) Sự cần thiết, sự phù hợp của phương án khai thác với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

b) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng công viên: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí);

c) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

d) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng công viên.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

**XÁC NHẬN CỦA
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ CÔNG VIÊN, CÂY XANH**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)